TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **781**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 – 2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Hòa

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1); số 126 đường Lê Quyên, phường Chánh Hưng (Phường 5, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 627/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lưu Bội B**; Sinh ngày 13/9/1982; Căn cước công dân số: 079182012410 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/11/2021; Địa chỉ thường trú: 37 đường H, khu phố 1, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 97 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Trung H**; sinh năm 1994; Địa chỉ: 97 đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số công chứng 004420 ngày 11/7/2025).

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Chí L**; sinh ngày 05/9/1981; Căn cước công dân số 079081011902 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022; Địa chỉ: Số 37 đường H, khu phố 1, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025; Bản tự khai đề ngày 22/10/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Lưu Bội B trình bày:

"Tôi và ông Huỳnh Chí L là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/03/2015. Thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống khá hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Hai vợ chồng có quan điểm sống trái ngược nhau, không thể dung hòa được. Từ đó dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Đến nay, tôi đã cố gắng để hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi vẫn bất đồng với nhau về nhiều vấn đề, mâu thuẫn trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được. Hiện tại chúng tôi cũng không còn coi nhau là vợ chồng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tôi mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng về mặt pháp lý để xây dựng lại cuộc sống cho riêng mình. Nay nguyện vọng của tôi là:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Huỳnh Chí L; Về con chung: Chúng tôi không có con chung; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có".

Tại Bản tự khai đề ngày 23/10/2025 và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 07/11/2025, bị đơn ông Huỳnh Chí L trình bày:

Bà Lưu Bội B và ông Huỳnh Chí L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2015 ngày 04/3/2015). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L không muốn có con nên vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân khoảng 3 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Huỳnh Chí L đồng ý ly hôn với bà Lưu Bội B.

Về con chung: Ông L xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Huỳnh Chí L cư trú tại Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Căn cứ vào nội dung Giấy ủy quyền số công chứng 004420 ngày 11/7/2025, bà Lưu Bội B đã ủy quyền cho ông Phạm Trung H được nộp, nhận, trích, sao lục … các văn bản tố tụng, Quyết định, bản án của Tòa án nên Tòa án chấp nhận ông Phạm Trung H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn để nộp, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Xét, Nguyên đơn bà Lưu Bội B và bị đơn ông Huỳnh Chí L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2.3] Xét việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Tại Biên bản giao hồ sơ ngày 11/11/2025 thì Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh không nhận hồ sơ vì cho rằng hồ sơ vụ án không thuộc phạm vi Viện kiểm sát tham gia nên Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa để phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét, bà Lưu Bội B và ông Huỳnh Chí L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2015 cấp ngày 04/3/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Bội xin được ly hôn với ông Huỳnh Chí L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà Bội và ông L đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không chung quan điểm về con chung; vợ, chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bị đơn ông Huỳnh Chí L cũng đồng ý ly hôn với bà Lưu Bội B. Do đó,

yêu cầu ly hôn của bà Lưu Bội B là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Đương sự cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Bội B.

Về hôn nhân: Bà Lưu Bội B được ly hôn ông Huỳnh Chí L. (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Đương sự cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng bà Lưu Bội B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012878 ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bội đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-HCM;
- THADS TPHCM;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dung

2 000021 565203